

Bản án số: 153/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 15-5-2026
“V/v Tranh chấp về Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Nhập

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vũ

Bà Vũ Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Quốc Việt, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - An Giang: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 686/2026/TLST-HNGĐ, ngày 25/3/2026 về việc “Tranh chấp về Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 188/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Thị M, sinh năm 1992 (có mặt);

Địa chỉ: Tổ I, ấp A, xã V, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Anh Danh Chúc L, sinh năm 1983 (vắng mặt);

Địa chỉ: Tổ I, ấp A, xã V, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 06/3/2026 và tại phiên tòa, nguyên đơn Chị Thị M trình bày:

Vào năm 2012, chị kết hôn cùng với anh Danh Chúc L, hôn nhân tự nguyện, gia đình hai bên có tổ chức lễ cưới theo phong tục và vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) vào ngày 19/5/2014.

Sau khi cưới, vợ chồng chị chung sống đầm ấm, hạnh phúc được khoảng 10 năm, thời gian sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L tính cách gia trưởng, hay ghen tuông vô cớ, bạo lực gia đình trong thời gian dài, dù rằng gia đình hai bên có cố gắng dàn xếp để vợ chồng hòa thuận nhưng sự cố gắng đó không thành, mâu thuẫn cứ kéo dài nên chị dứt con về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng tự ly thân khoảng gần 01 năm nay. Nay sau thời gian ly thân, chị nhận

thấy tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục xây dựng gia đình hạnh phúc, vợ chồng không thể hàn gắn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

Về con chung: quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là: Danh Thị Chúc L1 – sinh ngày 28/11/2013 và Danh Thị Chúc M1 – sinh ngày 18/12/2017. Các con hiện đang sống cùng chị.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, chị Thị M yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh Chúc L; Về con chung, chị yêu cầu được nuôi hai con chung là Danh Thị Chúc L1 – sinh ngày 28/11/2013 và Danh Thị Chúc M1 – sinh ngày 18/12/2017 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung, nợ chung chị M xác định vợ chồng không có tài sản chung và cam kết vợ chồng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, Biên bản hòa giải ngày 13/4/2026, Bị đơn anh Danh Chúc L hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của chị M về thời gian hôn nhân, về con chung, về tài sản chung, nợ chung. Anh L2 thừa nhận có uống rượu và có đánh chị M nhưng đó không phải là nguyên nhân mâu thuẫn chính mà nguyên nhân mâu thuẫn theo anh L2 bắt đầu phát sinh từ cuối năm 2024 do chị M muốn bỏ anh nên đòi ly hôn nhiều lần dẫn tới mâu thuẫn và trong lúc nóng giận anh có đánh chị M nhưng anh đã cam kết, sửa đổi chỉ mong vợ chồng hàn gắn cùng nhau làm nuôi con. Bản thân anh mong muốn được hàn gắn nhưng vợ vẫn cương quyết ly hôn thì anh vẫn giữ ý kiến là không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của vợ, mong vợ cho anh được hàn gắn lại để vợ chồng cùng nhau chăm lo cho các con, để các con không thiếu vắng tình cảm của cha mẹ.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung tên là Danh Thị Chúc L1 – sinh ngày 28/11/2013 và Danh Thị Chúc M1 – sinh ngày 18/12/2017, hai cháu hiện đang sống cùng vợ và ông bà ngoại.

Tài sản chung, nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa: Về quan hệ hôn nhân, anh Danh C L2 không đồng ý ly hôn với chị Thị M, vì còn thương vợ, thương con nên muốn được hàn gắn lại để vợ chồng về chung sống cùng nhau chăm lo cho các con; Về con chung: Nếu như vợ không chịu hàn gắn mà cương quyết ly hôn thì anh đồng ý giao hai con chung là Danh Thị Chúc L1 – sinh ngày 28/11/2013 và Danh Thị Chúc M1 – sinh ngày 18/12/2017 cho vợ tiếp tục nuôi, anh không không cấp dưỡng nuôi con nhưng yêu cầu vợ đảm bảo cho anh được quyền thăm nom các con; Về tài sản chung, nợ chung: anh L2 xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Quá trình chung sống, do phát sinh mâu thuẫn không giải quyết được với nhau nên chị Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Danh C L2 được Tòa án thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền được quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (Bộ luật BLTTDS 2015).

Anh Danh Chúc L đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan; căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Danh Chúc L.

[2] Về hôn nhân: Chị Thị M và anh D Chúc L xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2012, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện G, tỉnh Kiên Giang (cũ) theo giấy chứng nhận kết hôn số 90/2014 quyển số I/2014 ngày 19/5/2014, theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 hôn nhân của chị và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Xét yêu cầu của chị Thị M xin ly hôn với anh Danh Chúc L vì lý do vợ chồng có nhiều bất đồng trong cách sống, sinh hoạt, thường xuyên xảy ra tranh cãi, anh L gia trưởng, mỗi lần xảy ra tranh cãi thì lại sử dụng bạo lực để giải quyết mâu thuẫn, chị bị đánh nhiều lần và vợ chồng còn mâu thuẫn trong các vấn đề khác không giải quyết được nên chị bỏ về nhà cha mẹ ruột sống và vợ chồng đã ly thân khoảng 01 năm nay. Còn anh L thừa nhận, anh có đánh vợ nhưng vì nhậu say không làm chủ được bản thân và trong lúc nóng giận nên anh mới đánh, chứ vợ chồng không có mâu thuẫn gì lớn, anh còn thương vợ, thương con nên không đồng ý ly hôn mà muốn đoàn tụ. HĐXX thấy rằng, sau hơn 10 năm chung sống, giữa chị M và anh L đã không còn duy trì được tình cảm yêu thương dành cho nhau nữa, mâu thuẫn trầm trọng thường xảy ra cụ thể là những lần anh L dùng bạo lực để giải quyết bất đồng trong cuộc sống hôn nhân. Tại phiên tòa, chị M đã tỏ rõ thái độ cương quyết ly hôn vì không thể chịu đựng việc bị chồng đánh đập, hơn nữa, trong cuộc sống hàng ngày có quá nhiều mâu thuẫn nên chị không còn tình cảm yêu thương đối với chồng và không thể tiếp tục cùng nhau chung sống dưới một mái nhà khi mà anh L thường xuyên đe dọa chị. Mặc dù, anh L có nguyện vọng được đoàn tụ, không muốn ly hôn nhưng anh không thể hiện được tình cảm yêu thương dành cho vợ, trong suốt thời gian ly thân anh không hòa giải được với chị M, cũng như không tạo được lòng tin đối với chị M, không cho chị M thấy được sự yên tâm trong hôn nhân mà chị M vẫn cương quyết ly hôn. Với tình trạng hôn nhân trầm trọng, thái độ hành xử bạo lực thường xuyên xảy ra trong đời sống vợ chồng của chị M và anh L làm cho hôn nhân của ông chị không thể kéo dài được nữa nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị M là phù hợp.

[3] Về con chung: Chị Thị M và anh Danh Chúc L xác định vợ chồng anh chị có 02 con chung tên là: Danh Thị Chúc L1 – sinh ngày 28/11/2013 và Danh Thị Chúc M1 – sinh ngày 18/12/2017, hai cháu hiện tại đang sống cùng với chị M và ông bà ngoại. Chị M và anh L thống nhất thỏa thuận sau khi ly hôn sẽ giao hai cháu Danh Thị Chúc L1 và Danh Thị Chúc M1 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi

đưỡng, giáo dục; cháu Chúc L1 và Chúc M1 cũng có nguyện vọng muốn được tiếp tục sống cùng với mẹ là chị Thị M.

Chị M không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con, anh L có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở anh L thực hiện quyền này.

Căn cứ theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và theo nguyện vọng của cháu Chúc L1 và Chúc M1. Do đó HĐXX xem xét ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Thị M và anh Danh Chúc L xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đ chị M phải nộp do có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Thị M được ly hôn với anh Danh Chúc L.

2. Về con chung: Giao hai con chung tên Danh Thị Chúc L1 – sinh ngày 28/11/2013 và Danh Thị Chúc M1 – sinh ngày 18/12/2017 cho chị Thị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh L2 không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật, không ai có quyền cản trở anh L2 thực hiện quyền này.

Khi cần thiết anh, chị có quyền làm đơn xin thay đổi quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, nợ chung: HĐXX không xem xét.

3. Về án phí: Chị Thị M phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp tạm ứng án phí là theo biên lai thu số 303706, ngày 24/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Như vậy, chị Thị M đã nộp xong số tiền án phí.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 15/5/2026.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 9 Luật thi hành án dân sự và các Điều 7, 7a, 7b Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 5;
- THA dân sự tỉnh An Giang;
- UBND xã Vĩnh Hòa Hưng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Nguyễn Kim Nhập